TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI BÌNH** Bản án số 50/2021/HNGĐ-ST Ngày 24-9-2021 V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình.	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Mạnh Tăng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Thu Hiền;

Bà Nguyễn Thị Thêu

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Vũ Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

Ngày 24 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 63/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị T T T T, sinh năm 1979; Địa chỉ: H Y, Q T, NĐ

- Bị đơn: Anh Đ V T, sinh năm 1977; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: B X, T B. Hiện anh T đang lao động tại Lào.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị T T T T trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đ V T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 28/11/2012 tại Ủy ban nhân dân phường Bồ Xuyên, thị xã Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn anh chị cùng nhau sang Lào để làm ăn sinh sống. Khoảng 05 năm đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó do nhiều bất đồng trong cuộc sống, trong công việc làm ăn nên vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn dẫn đến cãi

chửi nhau, thậm chí đánh nhau. Vợ chồng chị đã tìm nhiều cách hàn gắn để vợ chồng hòa hợp nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn, xung đột ngày càng nhiều hơn. Vì vậy, từ năm 2019 đến nay vợ chồng chị sống ly thân, chị T về Việt Nam còn anh T vẫn tiếp tục sinh sống bên Lào, vợ chồng không quan tâm đến nhau nữa. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn anh T.

+Về con chung: Vợ chồng chị không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn - anh Đ V T gửi văn bản trình bày ý kiến:

+ Về quan hệ hôn nhân: Anh T trình bày về điều kiện, hoàn cảnh, thời gian kết hôn như chị T đã trình bày. Anh T xác định quan hệ hôn nhân của anh chị không hạnh phúc, nguyên nhân do quan điểm, tính tình vợ chồng không hợp và nhiều mâu thuẫn trong công việc làm ăn dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi và đánh nhau. Mặc dù vợ chồng anh đã tìm phương pháp để hòa giải nhưng không thành dẫn đến năm 2019 anh chị sống ly thân đến nay. Nay anh T xác định vẫn tiếp tục sinh sống tại Lào, chị T lại sinh sống ở Việt Nam, vợ chồng anh không quan tâm, không liên lạc với nhau nên không thể đoàn tụ. Vì vậy, chị T xin ly hôn anh anh đồng ý.

+Về con chung: Vợ chồng anh không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng anh không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho các đương sự, các đương sự đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Qua lời khai của chị T và anh T thể hiện hôn nhân của anh chị không hạnh phúc và nhiều mâu thuẫn. Khi mâu thuẫn căng thẳng mặc dù anh chị đã tìm nhiều giải pháp để khắc phục, để hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả. Từ năm 2019 đến nay anh chị sống ly thân, không quan tâm đến nhau, khi chị T làm đơn xin ly hôn, anh T đồng ý ly hôn là thể hiện vợ chồng anh chị không muốn duy trì hôn nhân nữa. Hơn nữa, anh T xác định làm ăn sinh sống tại Lào trong khi chị T xác định làm ăn sinh sống tại Việt Nam là thể hiện hai vợ chồng anh chị không muốn đoàn tụ. Như vậy mâu thuẫn của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được cần xử cho chị T ly hôn anh T là đúng quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh T đều xác định vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh T đều xác định anh chị không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228, Điều 477, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 - Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị T T T T được ly hôn anh Đ V T.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Tòa án không đặt ra giải quyết.

3. Về án phí:

Chị T T T T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng chị T nộp tại biên lai số 0005055 ngày 18/5/2021 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Thái Bình sang để thi hành án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt các đương sự. Chị T T T T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ; Anh Đ V T có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh
- Cục THA Dân sự tỉnh Thái Bình
- Đương sự,
- UBND p. Bồ Xuyên, tp Thái Bình;
- Lưu

Đỗ Mạnh Tăng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN CHỦ TỌA - PHIÊN TÒA**

Lại Đức Lợi **Hoàng Thị Thu Hiền** **Lương Hải Yến**